

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP NẶNG GIA NGUYỄN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP NẶNG GIA NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA NGUYEN HEAVY INDUSTRIES EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GIA NGUYEN HI.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108101229

**3. Ngày thành lập:** 21/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 19 Ngõ 34, Phố Văn Quán, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Môi giới, đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác ( trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp )                                                                                                                                                                                                       | 4669        |
| 3.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng ( kể cả máy vi tính ). Cho thuê máy móc thiết bị ngành công nghiệp, nông, lâm nghiệp                                                                                                        | 7730        |
| 4.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: sửa chữa máy móc, thiết bị công nghiệp ( trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                         | 3312        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                    | 8299        |
| 6.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.                                                                                                                                                                                                                      | 4773        |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.                                                                                                                                                                                                                                           | 4933        |
| 8.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5224        |
| 9.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7820        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết : Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện. Bán buôn vòng bi | 4659(Chính) |
| 11. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan( trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG)                                                                                                                                                                                    | 4661        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết : Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                   | 4932        |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649        |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4663        |
| 15. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8532        |
| 16. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4662        |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết : Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7710        |
| 18. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2592        |
| 19. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3320        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 21/12/2017 đến ngày 20/01/2018

Mệnh giá cổ phần:

## 7. Số cổ phần được quyền chào bán:

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ VĂN CHUÔNG   | Thôn Phú Hữu, Xã Böt Xuyên, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 145.000    | 1.450.000.000         | 29,000    | 0360880013<br>63                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 145.000    | 1.450.000.000         | 29,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN MINH | Thôn Phú Hữu, Xã Böt Xuyên, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 0010850189<br>83                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN TUẤN | Số 92/20 Nam Hòa, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 255.000    | 2.550.000.000         | 51,000    | 025165152                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 255.000    | 2.550.000.000         | 51,000    |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ VĂN CHUÔNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/11/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *036088001363*

Ngày cấp: *08/03/2016*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Phú Hữu, Xã Bột Xuyên, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Phú Hữu, Xã Bột Xuyên, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội